

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

Tầng 2, Tòa nhà Chương Dương ACIC Building Central Garden, 225 Bến Chương Dương, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010.

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quốc Ân	Chủ tịch
Ông Trần Văn Ái	Phó chủ tịch Thường trực
Ông Nguyễn Hữu Nam	Phó chủ tịch
Ông Lim Chun Soo	Phó chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25/11/2010)
Ông Trần Hoài Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/11/2010)
Ông Lê Trung Hải	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/11/2010)
Ông Oh Kyung Hee	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/11/2010)
Ông Kim Jung Kwan	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/11/2010)
Ông Park Won Sang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/11/2010)

Ban kiểm soát

Bà Bùi Thị Lệ Dung	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Hoàng Nguyên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/5/2010)
Ông Hwang Jeong Yun	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/11/2010)
Ông Shin Hyun Jae	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/11/2010)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 17/12/2010)
Ông Oh Kyung Hee	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 17/12/2010)

2. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

Tầng 2, Tòa nhà Chương Dương ACIC Building Central Garden, 225 Bến Chương Dương, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Số: 223/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, từ trang 04 đến trang 18 kèm theo, được lập vào ngày 28 tháng 3 năm 2011.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp các với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan khác.



Nguyễn Lương Nhân

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

Tp. HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2011



Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. Tài sản ngắn hạn	100		186.828.466.346	148.800.185.015
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	129.292.170.532	26.919.620.860
1. Tiền	111		129.292.170.532	26.419.620.860
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	36.313.432.113	92.596.783.659
1. Đầu tư ngắn hạn	121		90.127.176.512	99.132.471.543
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(53.813.744.399)	(6.535.687.884)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	20.849.036.641	28.655.243.856
1. Phải thu khách hàng	131		156.231.443	197.827.056
2. Trả trước cho người bán	132		101.028.500	51.730.000
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	240.000.000
4. Các khoản phải thu khác	138		20.703.776.698	28.221.686.800
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(112.000.000)	(56.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		373.827.060	628.536.640
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	230.202.156	448.709.390
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		80.067.404	80.067.404
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		63.557.500	99.759.846
B. Tài sản dài hạn	200		11.511.849.010	15.264.317.016
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.659.965.675	11.271.369.894
1. TSCĐ hữu hình	221	9	9.290.275.587	11.022.450.318
- Nguyên giá	222		15.141.076.673	15.079.673.673
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.850.801.086)	(4.057.223.355)
2. TSCĐ vô hình	227	10	369.690.088	248.919.576
- Nguyên giá	228		665.701.952	400.597.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(296.011.864)	(151.678.376)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	910.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.851.883.335	3.082.947.122
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	2.140.894.518
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	11	1.084.053.676	372.434.458
3. Tài sản dài hạn khác	268	12	767.829.659	569.618.146
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		198.340.315.356	164.064.502.031

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. Nợ phải trả	300		35.456.501.467	72.244.377.690
I. Nợ ngắn hạn	310		35.456.501.467	72.244.377.690
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	3.000.000.000	20.000.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		22.698.000	357.300.100
3. Người mua trả tiền trước	313		10.000.000	75.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	14	253.393.923	32.028.299
5. Phải trả công nhân viên	315		392.715.384	300.435.001
6. Chi phí phải trả	316	15	76.541.667	159.791.667
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	14.456.981.183	19.576.393.223
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	17	16.960.292.535	31.736.139.000
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		283.878.775	7.290.400
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		162.883.813.889	91.820.124.341
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	162.883.813.889	91.820.124.341
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		263.646.000.000	135.000.000.000
2. Lỗ lũy kế	420		(100.762.186.111)	(43.179.875.659)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		198.340.315.356	164.064.502.031
	Mã số			
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	số		31/12/2010	31/12/2009
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		35.610.410	28.756.441
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		33.973.062	28.743.261
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		234.602	680.870
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		33.389.352	27.761.625
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		349.108	300.766
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		474.448	13.180
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		474.448	13.180
6.3. Chứng khoán cầm cố	017		1.162.900	-
6.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		1.162.900	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-


TRƯƠNG THỊ KIM DUNG
 Kế toán trưởng
 Ngày 28 tháng 3 năm 2011



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13.728.569.884	21.204.838.008
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		8.631.873.289	14.057.968.513
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.920.772.135	4.303.154.782
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		440.600.000	633.000.000
- Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	01.6		16.404.000	59.875.370
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		13.711.398	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	47.274.713
- Doanh thu khác	01.9		2.705.209.062	2.103.564.630
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.728.569.884	21.204.838.008
4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	19	53.922.794.754	12.201.293.328
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(40.194.224.870)	9.003.544.680
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	17.467.922.777	16.795.278.208
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(57.662.147.647)	(7.791.733.528)
8. Thu nhập khác	31		79.837.195	21.637.074
9. Chi phí khác	32		-	31.304.279
10. Lợi nhuận khác	40		79.837.195	(9.667.205)
11. Tổng lỗ kế toán trước thuế	50		(57.582.310.452)	(7.801.400.733)
12. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	21	-	-
13. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(57.582.310.452)	(7.801.400.733)

Quản

TRƯƠNG THỊ KIM DUNG

Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 3 năm 2011



QUYỄN NG HE

Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	(57.582.310.452)	(7.801.400.733)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.937.911.219	1.882.052.509
Các khoản dự phòng	03	47.334.056.515	6.558.087.884
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(704.091.079)	(1.362.041.611)
Chi phí lãi vay	06	2.524.448.565	855.493.585
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(6.489.985.232)	132.191.634
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	6.876.578.830	(26.434.904.379)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(19.871.126.223)	44.083.159.008
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	2.359.401.752	2.215.363.429
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.441.198.565)	(695.701.918)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.566.329.438)	19.300.107.774
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(326.507.000)	(217.344.265)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	31.290.205
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.786.082.880)	(51.484.594.490)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	11.757.985.000	28.302.949.794
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.647.483.990	1.361.109.940
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.292.879.110	(22.006.588.816)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	128.646.000.000	-
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	75.510.000.000	27.446.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(92.510.000.000)	(9.846.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	111.646.000.000	17.600.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	102.372.549.672	14.893.518.958
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	26.919.620.860	12.026.101.903
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	129.292.170.532	26.919.620.860


TRƯƠNG THỊ KIM DUNG
 Kế toán trưởng
 Ngày 28 tháng 3 năm 2011


OH KÝNG HEE
 Tổng giám đốc

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính được đính kèm

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán Số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05/7/2007, Giấy phép điều chỉnh số 376/GPĐC-UBCK ngày 17/12/2010 và Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 21/3/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ theo Giấy phép là 263.646.000.000 đồng.

Tên giao dịch và trụ sở

Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty là KIS VIET NAM SECURITIES CORPORATION.

Trụ sở chính đặt tại tầng 1 và 2 tòa nhà Chương Dương ACIC Building Central Garden, 225 Bến Chương Dương, Quận 1, Tp.HCM.

Chi nhánh của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam đặt tại tầng 3 số 249, đường Trần Đăng Ninh, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

03029
CÔNG
TRÁCH NHIỆM
KIỂM
D
VIỆT
ĐINH - T

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Bất kỳ khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản cổ tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được hạch toán theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá nếu có. Các khoản trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với các khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với các khoản lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đối với chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của Công ty đang đầu tư do chưa được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) và cũng không có giá trung bình được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trên cơ sở chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán hiện hành, dự phòng giảm giá được trích lập là chênh lệch giữa giá trị vốn góp đầu tư so với giá trị tài sản thuần của Công ty tại tổ chức kinh tế được xác định tại ngày lập báo cáo tài chính này.

5053-C
TY
HỮU H
OÀN
K
IAM
HỒ C

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	3 – 12
Phương tiện vận tải	10
Tài sản khác	8 – 12

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán và được khấu hao với thời gian là 4 năm.

Lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương chỉ trả cho người lao động và trích lập vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 22% và 4,5% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 19% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ; và 7,5% sẽ được trích từ lương của người lao động, bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể được áp dụng đối với:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả cung cấp dịch vụ theo hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu được ghi nhận theo mức độ hoàn thành dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu cổ tức được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.



Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

4. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2010	01/01/2010
Tiền mặt	15.797.888	21.596.545
Tiền gửi ngân hàng	112.316.080.109	5.634.037.315
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	16.960.292.535	20.763.987.000
Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000
Cộng	129.292.170.532	26.919.620.860

5. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (cổ phiếu)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (đồng)
a) Của Công ty Chứng khoán	441.010	15.557.440.791
- Cổ phiếu	441.010	15.557.440.791
b) Của nhà đầu tư	143.886.334	4.320.332.436.300
- Cổ phiếu	143.886.334	4.320.332.436.300
Tổng cộng	144.327.344	4.335.889.877.091

6. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị ghi sổ	Tăng/(giảm) so với giá trị thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
a. Chứng khoán thương mại	395.400	18.954.542.568	(9.291.792.164)	9.662.750.404
b. Chứng khoán đầu tư	2.019.671	71.172.633.944	(44.521.952.235)	26.650.681.709
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	2.019.671	71.172.633.944	(44.521.952.235)	26.650.681.709
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn.	-	-	-	-
c. Đầu tư góp vốn	-	-	-	-
d. Đầu tư tài chính khác	-	-	-	-
Tổng Cộng	2.415.071	90.127.176.512	(53.813.744.399)	36.313.432.113

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

6. Tình hình đầu tư tài chính (tiếp theo)

a. Chứng khoán thương mại

Chứng khoán thương mại là các chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Mã cổ phiếu	Cổ phiếu tự doanh		Thị giá	Dự phòng giảm giá
	Số lượng CP	Giá trị đầu tư VND	VND	VND
ACB	8.782	354.199.220	25.600	(129.380.020)
BBC	13.670	219.304.844	8.400	(104.476.844)
BMC	44.536	3.146.674.728	25.200	(2.024.367.528)
BVS	2.060	80.888.000	28.600	(21.972.000)
CAD	14.146	233.023.996	8.200	(117.026.796)
KLS	1.210	22.499.073	16.100	(3.018.073)
PPC	48.233	1.389.376.553	11.700	(825.050.453)
PVF	65.000	2.866.724.000	23.500	(1.339.224.000)
TBC	25.940	706.538.000	15.000	(317.438.000)
VCB	166.137	9.775.633.797	32.500	(4.376.181.297)
CP khác	5.686	159.680.357	-	(33.657.153)
Tổng	395.400	18.954.542.568		(9.291.792.164)

b. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán sẵn sàng để bán

Là chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán, được Công ty nắm giữ nhằm mục đích sẵn sàng để bán, bao gồm các chứng khoán:

	Số lượng CP	Giá mua/CP	Giá trị đầu tư	Giá trị sổ sách	Dự phòng giảm giá
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia	200.000	30.000	6.000.000.000	12.549	(3.490.166.633)
Công ty CP Lạc Việt	288.000	35.000	10.080.000.000	11.913	(6.648.930.942)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Nguyễn Hoàng	450.000	23.000	10.350.000.000	10.459	(5.643.661.500)
Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	425.000	35.294	15.000.001.000	10.143	(10.689.166.794)
Công ty CP Phát triển KCN Tân Nghĩa	398.638	51.230	20.422.283.144	20.781	(12.138.066.946)
Công ty CP Thương mại Dệt May	56.033	10.600	593.949.800	12.877	-
Tổng Công ty CP May Việt Tiến	202.000	43.200	8.726.400.000	13.933	(5.911.959.420)
Tổng cộng	2.019.671		71.172.633.944		(44.521.952.235)

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2009/TCĐM-HĐCC ngày 30/12/2009 và số 05/2010/HĐCC ngày 30/6/2010, các cổ phiếu bao gồm 200.000 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia, 450.000 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Nguyễn Hoàng, 425.000 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch, 398.638 cổ phiếu Công ty CP Phát triển KCN Tân Nghĩa, 56.033 cổ phiếu Công ty CP Thương mại Dệt may và 202.000 cổ phiếu Tổng Công ty CP May Việt Tiến được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Công ty Tài chính Dệt may được thuyết minh tại mục 13.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

7. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng	156.231.443	197.827.056
Trả trước cho người bán	101.028.500	51.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	240.000.000
Phải thu khác (*)	20.703.776.698	28.221.686.800
Cộng	20.961.036.641	28.711.243.856
Dự phòng phải thu khó đòi	(112.000.000)	(56.000.000)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	20.849.036.641	28.655.243.856

(*) Chi tiết các khoản phải thu khác:	31/12/2010	01/01/2010
Phải thu nhà đầu tư liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	1.380.635.000	10.972.152.000
Cổ tức được chia	-	398.638.000
Phải thu về hỗ trợ giao dịch chứng khoán	5.421.910.752	-
Các khoản phải thu cầm cố chứng khoán	13.880.000.000	16.833.500.000
Phải thu khác	21.230.946	17.396.800
Cộng	20.703.776.698	28.221.686.800

8. Chi phí trả trước ngắn hạn	Năm 2010	Năm 2009
Tại ngày 01 tháng 01	448.709.390	523.178.298
Tăng trong năm	3.524.720.228	3.761.838.518
Phân bổ vào chi phí trong năm	(3.743.227.462)	(3.836.307.426)
Tại ngày 31 tháng 12	230.202.156	448.709.390

Chi phí trả trước ngắn hạn được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 02 đến 12 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/10	12.939.530.045	474.809.600	1.665.334.028	15.079.673.673
Tăng trong năm	61.403.000	-	-	61.403.000
Tại ngày 31/12/10	13.000.933.045	474.809.600	1.665.334.028	15.141.076.673
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 01/01/10	3.590.147.101	143.362.969	323.713.285	4.057.223.355
Khấu hao trong năm	1.577.198.327	47.480.960	168.898.444	1.793.577.731
Tại ngày 31/12/10	5.167.345.428	190.843.929	492.611.729	5.850.801.086
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31/12/09	9.349.382.944	331.446.631	1.341.620.743	11.022.450.318
Tại ngày 31/12/10	7.833.587.617	283.965.671	1.172.722.299	9.290.275.587

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Website Công ty	Cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2010	270.036.528	130.561.424	400.597.952
Tăng trong năm	265.104.000	-	265.104.000
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 31/12/10	535.140.528	130.561.424	665.701.952
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 01/01/2010	97.334.219	54.344.157	151.678.376
Khấu hao trong năm	111.693.132	32.640.356	144.333.488
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 31/12/10	209.027.351	86.984.513	296.011.864
Giá trị còn lại			
Tại ngày 31/12/2009	172.702.309	76.217.267	248.919.576
Tại ngày 31/12/10	326.113.177	43.576.911	369.690.088

11. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm 2010	Năm 2009
Tại ngày 01 tháng 01	372.434.458	170.939.563
Tiền nộp bổ sung	635.791.857	196.196.733
Tiền lãi phân bổ trong năm	75.827.361	5.298.162
Tại ngày 31 tháng 12	1.084.053.676	372.434.458

12. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
Đặt cọc thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	720.477.159	522.265.646
Đặt cọc thuê văn phòng tại thành phố Hà Nội	39.352.500	39.352.500
Ký quỹ dài hạn khác	8.000.000	8.000.000
Cộng	767.829.659	569.618.146

13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
Vay ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	-	4.000.000.000
Công ty Tài chính Dệt May	3.000.000.000	16.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	20.000.000.000

Khoản vay ngắn hạn Công ty Tài Chính Dệt May 3.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 15/2010/HĐKT-NH ngày 30/6/2010, thời hạn vay từ 06 tháng với lãi suất trong hạn từ 13,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng các chứng khoán của Công ty được trình bày tại mục số 6.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2010	01/01/2010
Thuế GTGT	2.754.604	5.784.209
Thuế thu nhập cá nhân	250.639.319	26.244.090
Cộng	253.393.923	32.028.299
15. Chi phí phải trả	31/12/2010	01/01/2010
Lãi vay phải trả	76.541.667	159.791.667
Cộng	76.541.667	159.791.667
16. Phải trả khác	31/12/2010	01/01/2010
BHXX, BHYT, BHTN	42.780.231	47.468.382
Kinh phí công đoàn	6.713.822	7.508.337
Phải trả ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư	145.387.000	-
Phải trả cầm cố chứng khoán của nhà đầu tư - Eximbank	13.880.000.000	16.833.500.000
Tiền mượn của cá nhân	-	2.000.000.000
Phí đường truyền	-	330.900.000
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	99.033.069	111.659.219
Các khoản phải trả khác	283.067.061	245.357.285
Cộng	14.456.981.183	19.576.393.223
17. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	31/12/2010	01/01/2010
Phải trả giao dịch của nhà đầu tư trong nước	16.960.292.535	31.709.814.000
Phải trả giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài	-	26.325.000
Cộng	16.960.292.535	31.736.139.000

18. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối năm
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	128.646.000.000	-	263.646.000.000
Lỗ lũy kế	(43.179.875.659)	-	(57.582.310.452)	(100.762.186.111)
Cộng	91.820.124.341	128.646.000.000	(57.582.310.452)	162.883.813.889

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư

	Tại ngày 31/12/2010			Tại ngày 01/01/2010	
	Tỷ lệ	Số lượng CP	Số tiền	Tỷ lệ	Số lượng CP
Cổ đông sáng lập	22,15%	5.840.000	58.400.000.000	44,00%	5.940.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	11,27%	2.970.000	29.700.000.000	22,00%	2.970.000
Ông Trần Văn Ai	6,90%	1.820.000	18.200.000.000	13,48%	1.820.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	3,98%	1.050.000	10.500.000.000	8,52%	1.150.000
Cổ đông chiến lược	48,79%	12.864.600	128.646.000.000	0,00%	-
Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc	48,79%	12.864.600	128.646.000.000	0,00%	-
Cổ đông khác	29,06%	7.660.000	76.600.000.000	56,00%	7.560.000
Cộng	100%	26.364.600	263.646.000.000	100%	13.500.000

19. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.187.998.843	2.260.409.351
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.216.671.056	527.104.636
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	47.278.056.515	6.535.687.884
Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	83.400.000	41.000.000
Chi phí lãi vay	2.524.448.565	855.493.585
Chi phí lưu ký chứng khoán	207.539.389	87.183.311
Chi phí khác	1.424.680.386	1.894.414.561
Cộng	53.922.794.754	12.201.293.328

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí nhân viên	6.758.322.402	5.567.561.783
Dụng cụ văn phòng	42.658.369	117.393.844
Khấu hao TSCĐ	1.937.911.219	1.881.120.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.388.235.624	5.282.345.224
- Trong đó: chi phí thuê mặt bằng	2.234.552.429	2.563.763.543
Chi phí bằng tiền khác	2.162.300.645	1.842.395.335
Chi phí trước hoạt động	2.122.494.518	2.082.061.188
Chi phí lập dự phòng phải thu khó đòi	56.000.000	22.400.000
Cộng	17.467.922.777	16.795.278.208

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	(57.582.310.452)	(7.801.400.733)
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán chưa niêm yết	44.521.952.235	-
Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức)	730.000.000	-
Thu nhập chịu thuế	(13.790.358.217)	(7.801.400.733)
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

22. Nghiệp vụ và số dư với các Bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên quan	Nghiệp vụ	Năm 2010	Năm 2009
Công ty Tài chính Dệt May	Bên liên quan	Vay ngắn hạn	22.000.000.000	21.000.000.000
Công ty Tài chính Dệt May	Bên liên quan	Chi phí lãi vay	1.435.162.776	670.791.700

Tại ngày 31/12/2010, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối liên quan	Nghiệp vụ	31/12/2010	31/12/2009
Công ty Tài chính Dệt May	Bên liên quan	Nợ vay	3.000.000.000	16.000.000.000
Công ty Tài chính Dệt May	Bên liên quan	Lãi vay phải trả	76.541.667	159.791.667

23. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Giấy phép Điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 3 năm 2011, Công ty đã được đổi tên Công ty CP Chứng khoán Gia Quyền thành Công ty CP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



TRƯƠNG THỊ KIM DUNG
Kế toán trưởng
Ngày 28 tháng 3 năm 2011



OH KIENG HEE
Tổng Giám đốc